TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2025/DS-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Văn Ẩn**.

2. Bà **Trương Thị Kim Chọn**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Thúy –** Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân Khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Vũ Thị Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**.

Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ cũ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Ngọc T**.

Địa chỉ liên hệ: B N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ cũ: 278 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền lại của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S1) là ông **Trần Gia T1**, sinh năm 1971 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: B N, Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ liên hệ cũ: 278 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo giấy ủy quyền ngày 26/11/2024).

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Tấn D**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: A6/12/11 GB Ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: A6/12/11 GB Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2024, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T1 trình bày:

Ngày 05/04/2019, ông D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng: 2.6%/tháng, (cụ thể: loại thẻ JCB; số thẻ: 356481 – 7544).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.100.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23/09/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17,229,218 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông D phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/09/2025 là 49.527.134 đồng, (cụ thể: Nợ gốc:

17.229.218 đồng; Lãi quá hạn : 32.297.916 đồng; Lãi suất áp dụng: 3.9% (2.6% x 150%)).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông D, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Đỗ Tấn D.

1. Buộc ông Đỗ Tấn D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/09/2025 là 49.527.134 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 17.229.218 đồng
- Lãi quá hạn : 32.297.916 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bị đơn là ông Đỗ Tấn D vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Đỗ Tấn D, ông Đỗ Tấn D có ghi địa chỉ cư trú tại A6/12/11 GB Ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: A6/12/11 GB Ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Trần Gia T1 vắng mặt có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ

Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và ông D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông D đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2019 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu buộc ông Đỗ Tấn D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/09/2025 là 49.527.134 (Bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi bốn) đồng trong đó: Nợ gốc: 17.229.218 đồng. Lãi quá hạn: 32.297.916 đồng. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 04/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 05/04/2019 thì giữa chủ thẻ là ông Đỗ Tấn D và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP S có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP S cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng được 15.100.000 đồng và còn nợ Ngân hàng số tiền 17.229.218 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/09/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 17.229.218 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…" Căn cứ Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa

điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…”.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụngđịnh: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Xét bị đơn – ông Đỗ Tấn D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 17.229.218 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 03/09/2025) là 32.297.916 đồng và buộc ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “… 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn ông Đỗ Tấn D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của ông D sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/09/2021 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc buộc bị đơn ông Đỗ Tấn D phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 03/09/2025) là 32.297.916 đồng) và buộc ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Tấn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S đến ngày 03/09/2025 nợ gốc là 17.229.218 (mười bảy triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười tám) đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/09/2025 là 32.297.916 (ba mươi hai triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm mười sáu) đồng. Tổng cộng là 49.527.134 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi bốn) đồng.

[7] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp

với quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đỗ Tấn D tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: ông Đỗ Tấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.476.357 (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi bảy) đồng.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn ông Đỗ Tấn D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Đỗ Tấn D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/9/2025 nợ gốc là 17.229.218 (mười bảy triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm mười tám) đồng; nợ lãi quá hạn là 32.297.916 (ba mươi hai triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm mười sáu) đồng. Tổng cộng là 49.527.134 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn, một trăm ba mươi bốn) đồng.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đỗ Tấn D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Tấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.476.357 (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm năm mươi bảy) đồng.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.075.793 (Một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0051673 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV10 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Kim Định

